**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
TỈNH A

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2020
V/v: "Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng tín dụng"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: ông Trần Văn H

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn H.

2. Ông Nguyễn Thành P.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** ông Phạm Văn S - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-DS ngày 25/6/2020 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2020/QĐXX-DS ngày 19/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121A/2020/QĐST-DS ngày 04/9/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Trụ sở: số 45, đường L, phường B, quận 1, Thành phố H;

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Mai Hửu T. Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng - RB (XLN). (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2020).

Địa chỉ liên hệ: 54, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh A .

*2. Bị đơn:* - Bà Nguyễn Thị Đ , sinh năm 1980 (vắng mặt).

- Ông Lê Văn Q , sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Phú B , xã An B , huyện T , tỉnh A .

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 10/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (do ông Lê Hửu T, đại diện) trình bày:* ngày 06/3/2017, bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q có đến Ngân hàng TMCP P ký hợp đồng tín dụng - Khách hàng cá nhân số 0075/2017/HĐTD-CN ngày 06/3/2017 và khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0075/2017-OCB/KƯNN-CN ngày 07/3/2017 để vay 100.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn chăn nuôi bò. Thời gian vay là 12 tháng từ ngày 07/3/2017 đến ngày 07/3/2018. Phương thức trả: lãi trả hàng tháng, gốc cuối kỳ. Lãi suất trong hạn: 13,8%/năm tại thời điểm giải ngân. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh lãi định kỳ 06 tháng/lần. Bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố + biên độ tối thiểu 5,1%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Khi vay, bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q có thế chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 191804, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H00232rH ngày 09/7/2007, diện tích 474.0m$^2$, thửa số 94, tờ bản đồ số 37 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ . Việc thế chấp đã được bà Đ , ông Q với Ngân hàng TMCP P ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0075/2017/BĐ ngày 06/3/2017 và được Văn phòng Công chứng T công chứng số 666, quyển số 04A/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/3/2017 và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh T ngày 06/3/2017.

Sau khi vay, bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q đã trả được 51.331.159 đồng. Trong đó: vốn 27.194.953 đồng, lãi 24.136.206 đồng (lãi trong hạn 12.885.556 đồng; lãi quá hạn 11.250.650 đồng). Mặc dù bà Đ và ông Q có trả vốn và lãi cho Ngân hàng nhưng bà Đ và ông Q không thực hiện đúng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ bà Đ và ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Đ và ông Q cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/9/2020 là: 96.416.937 đồng (gốc là: 72.805.047 đồng; lãi là: 23.611.890 đồng) và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng, kể từ ngày 24/9/2020 cho đến khi tất toán khoản vay. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0075/2017/BĐ ngày 06/3/2017 để đảm bảo cho việc Thi hành án.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa

vụ tố tụng. Bị đơn bà Đ , ông Q được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do nên đã từ bỏ quyền của mình

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 29/4/2020 là 93.244.914 đồng cùng lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi xét xử. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo số nợ nêu trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: tranh chấp giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú B , xã An B , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà Đ và ông Q đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông Q .

[4] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q để yêu cầu trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/9/2020 là 96.416.937 đồng (trong đó nợ gốc là: 72.805.047 đồng; tiền lãi là: 23.611.890 đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng tín dụng - Khách hàng cá nhân số 0075/2017/HĐTD-CN ngày 06/3/2017 và khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0075/2017-OCB/KUNN-CN ngày 07/3/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Phòng Giao dịch T với bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q .

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, Hợp đồng tín dụng - Khách hàng cá nhân số 0075/2017/HĐTD-CN ngày 06/3/2017 và khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0075/2017-OCB/KUNN-CN ngày 07/3/2017 giữa Ngân hàng với bà Đ và ông Q được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với

quy định của pháp luật nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Sau khi vay, bà Đ và ông Q đã trả được 51.331.159 đồng (gốc 27.194.953 đồng; lãi 24.136.206 đồng) thì ngưng cho đến nay.

[4.2] Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Đ và ông Q để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu các khoản nợ nhưng bà Đ và ông Q đều vắng mặt, không lý do và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số nợ trên. Do đó, căn cứ Hợp đồng tín dụng - Khách hàng cá nhân số 0075/2017/HĐTD-CN ngày 06/3/2017; Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0075/2017-OCB/KƯNN-CN ngày 07/3/2017 buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/9/2020 là 96.416.937 đồng (tiền gốc là: 72.805.047 đồng; tiền lãi là: 23.611.890 đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.3] Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0075/2017/BĐ ngày 06/3/2017 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Phòng Giao dịch T với bà Nguyễn Thị Đ , ông Lê Văn Q được công chứng đúng quy định và có đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp nêu trên để bảo đảm thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[6] Về chi phí tố tụng: tổng số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Đ và ông Q phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí này. Do Ngân hàng TMCP P đã tạm nộp 1.000.000 đồng nên buộc bà Đ và ông Q phải trả lại cho Ngân hàng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P .

**1.1.** Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền gốc, lãi tính đến ngày 23/9/2020 là 96.416.937 đồng (tiền gốc là: 72.805.047 đồng; tiền lãi là: 23.611.890 đồng).

**1.2.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

**1.3**. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 0075/2017/BĐ ngày 06/3/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Phòng Giao dịch T với bà Nguyễn Thị Đ , ông Lê Văn Q để bảo đảm cho việc thi hành án.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**2.1.** Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q phải chịu chung 4.820.847 đồng (bốn triệu, tám trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**2.2.** Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.331.123 đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000618, ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh An Giang đại diện nhận).

**3.** Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

**4.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

**Trần Văn H**